

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN CẨM GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
CÔNG BỐ NIÊM YẾT CÔNG KHAI THU - CHI NGÂN SÁCH
QUÝ 4 NĂM 2023

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào Quyết định giao dự toán thu chi ngân sách năm 2023 của UBND huyện Cẩm Giàng ;

Hôm nay vào lúc 8 giờ 00, ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại UBND TT Cẩm Giàng.

*** Thành phần tham dự :**

1/ Ông: Nguyễn Công Trắc

Chức vụ : Quyền chủ tịch UBND TT.

2/ Bà : Phạm Thị Hậu

Chức vụ: Tài chính - Kế toán .

3/ Bà: Nguyễn Thị Lý

Chức vụ: Văn phòng HĐND-UBND -Thư ký

4/ Ông: Nguyễn Văn Đạt

Chức vụ: Trưởng ban TTND

*** Nội dung biên bản:**

Tiến hành công khai và niêm yết công khai thu - chi ngân sách quý 4 năm 2023 Thị Trấn Cẩm Giàng

Thành phần niêm yết:

- Công khai và niêm yết công khai thu - chi ngân sách quý 4 năm 2023.

(Kèm theo mẫu số 113, 114, 115 của Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính).

Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 02/01/2024 đến ngày 01/02/2024 .

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 00 phút.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Nguyễn Thị Lý

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
QUYỀN CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Trắc

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	15.283.284	2.693.012	17,62
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	61.600	22.183	36,01
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	9.805.000	727.384	7,42
3	Thu bổ sung	5.416.684	1.943.445	35,88
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.416.684	1.016.684	18,77
	- Bổ sung có mục tiêu		926.761	
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	15.357.284	5.171.948	33,68
1	Chi đầu tư phát triển	9.300.000	2.602.017	27,98
2	Chi thường xuyên	6.057.284	2.569.931	42,43
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

Biểu số 114/CK TC - NSNN

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		15.423.284		2.693.012		17,46
I	Các khoản thu 100%		201.600		22.183		11,00
1	Phí, lệ phí		31.000		9.685		31,24
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		140.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định				3.499		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		30.600		9.000		29,41
1	Các khoản thu phân chia		9.805.000		727.384		7,42
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		234.000		160.174		68,45
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		108.000		129.323		119,74
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		28.000		300		1,07
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		98.000		30.551		31,17
2.1	Thu tiền sử dụng đất		9.571.000		567.210		5,93
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		9.300.000		534.510		5,75
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng						
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		177.000		20.333		11,49
2.6	Thuế thu nhập cá nhân						
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		94.000		12.367		13,16
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
	Thu chuyển nguồn						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		5.416.684		1.943.445		35,88
1	Thu bổ sung cân đối		5.416.684		1.016.684		18,77
2	Thu bổ sung có mục tiêu				926.761		

[illegible]